

Số: 84/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 15 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa:

* *Nguyên đơn*: Ông Lê Hoàng Phước H, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Số 260A, khu phố M, Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Số 529B12, khu phố B, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Hoàng Phước H và bà Lê Thị Thu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Lê Thị Thu H là người trực tiếp nuôi chung tên Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày: 24/9/2017. Ông Lê Hoàng Phước H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: ông Lê Hoàng Phước H và bà Lê Thị Thu H tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: ông Lê Hoàng Phước H và bà Lê Thị Thu H cùng khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được giảm 50% là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm được giảm 50% là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, tổng cộng số tiền án phí phải nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông Lê Hoàng Phước H nhận nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008952 ngày 16 tháng 4 năm 2020 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- UBND Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Hoàng Út